

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua Vị thuốc cổ truyền (không bao gồm Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố



trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 427/BC-SYT ngày 07/10/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua Vị thuốc cổ truyền (không bao gồm Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đầu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn tại Tờ trình số 118/TTr-TTYT ngày 26/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua Vị thuốc cổ truyền (không bao gồm Vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đầu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn, với số tiền **240.844.250 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm năm mươi đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

H'Yim Kđoh



Phụ lục II

**DANH MỤC GỎI THẦU MUA VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN CÓ DẠNG BAO CHẾ CAO, CÓM, BỘT, DỊCH CHIẾT, TINH DẦU, NHỰA, GỖM, THẠCH ĐÁ ĐƯỢC TIÊU CHUẨN HÓA) NĂM 2023
THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y
TẾ HUYỆN BUỒN ĐỒN**

(Kèm theo Quyết định số **2118** /QĐ-UBND ngày **19** / 10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bạch truật	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Sao cám mật ong/ chích rượu	ĐDVN V/ TCCS	Kg	25	567.000	14.175.000
2	Cầu tích	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii</i>	chích rượu	ĐDVN V/ TCCS	Kg	10	119.000	1.190.000
3	Cốt toái bồ	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Thái phiến, sao vàng	ĐDVN V/ TCCS	Kg	15	210.000	3.150.000
4	Đan sâm	2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Thái phiến, sao với rượu	ĐDVN V/ TCCS	Kg	15	418.950	6.284.250
5	Ý dĩ	2	Hạt	<i>Semen Coicis</i>	sao vàng với cám	ĐDVN V/ TCCS	Kg	20	198.450	3.969.000
6	Đỗ trọng	2	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	Chích muối	ĐDVN V/ TCCS	Kg	25	211.050	5.276.250
7	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	1	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	ĐDVN V/ TCCS	Kg	20	786.450	15.729.000
8	Hà thủ ô đỏ (Hà thủ ô đỏ chế)	2	Rễ	<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>	Chế với nước đậu đen	ĐDVN V/ TCCS	Kg	30	268.000	8.040.000
9	Hoài sơn	2	Rễ củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Sao vàng với cám	ĐDVN V/ TCCS	Kg	25	156.450	3.911.250
10	Liên nhục	2	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	ĐDVN V/ TCCS	Kg	10	229.950	2.299.500
11	Xuyên khung	1	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Chích rượu	ĐDVN V/ TCCS	Kg	50	614.250	30.712.500
12	Mẫu đơn bì	2	Vỏ rễ	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae radialis</i>	Bỏ lõi, sao vàng	ĐDVN V/ TCCS	Kg	10	525.000	5.250.000
13	Đảng sâm (đảng sâm sao)	2	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Chích gừng	ĐDVN V/ TCCS	Kg	40	855.750	34.230.000

TT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VNĐ)
14	Ngưu tất	1	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Chích rượu	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	80	563.850	45.108.000
15	Sơn thù (tửu sơn thù)	2	Quả	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Tầm rượu chưng	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	35	294.000	10.290.000
16	Táo nhân (Toan táo nhân)	2	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>	Sao đen	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	5	1.023.750	5.118.750
17	Thảo quyết minh	2	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	sao vàng	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	15	120.750	1.811.250
18	Thục địa	2	Rễ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chế dịch rượu gừng	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	50	669.900	33.495.000
19	Trần bì	2	Vỏ quả	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	10	160.650	1.606.500
20	Cát cánh	2	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Chích mật	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	10	270.900	2.709.000
21	Hồe hoa	2	Hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Sao vàng	ĐĐVN V/ TCCS	Kg	10	648.900	6.489.000
Tổng cộng: 21 mặt hàng										240.844.250